TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **98**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 -2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thuận Nhi
Bà Trần Thị Thu Huyền

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2024 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Diệu H**, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 09, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Hữu S**, sinh năm 1966; địa chỉ: 10803 Brunet, Canada. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị Diệu H trình bày như sau:* Bà và ông Nguyễn Hữu S có tìm hiểu và quen nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, số 05/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà và ông S sống chung với nhau 02 ngày thì ông S trở lại Canada. Trong khoảng thời gian này, ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Sau đó, ngày 04/01/2018, ông S về Việt Nam thăm bà và gia đình, vợ chồng bà chung sống tại địa chỉ số 192 đường M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, ông S qua lại Canada. Ngày 03/01/2019, ông S về Việt Nam thăm bà và gia đình, cả hai bên đã trao đổi với nhau về việc làm hồ sơ xin visa định cư tại Canada. Kết quả phỏng vấn xin visa định cư không đạt nên ông S không về lần nào nữa. Bà H nhận thấy thời gian vợ chồng ở bên nhau không nhiều, tình cảm giữa vợ chồng lạnh nhạt,

đời sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau không thể hòa giải được. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu S;

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu S có đơn trình bày ý kiến, đề nghị xét xử vắng mặt rút ngắn thời hạn giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với Lê Thị Diệu H.

Về con chung: Ông xác định không có con chung với bà H.

Về nợ chung, tài sản chung: Ông xác định không có nợ chung, tài sản chung với bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Diệu H cư trú tại Đà Nẵng, Việt Nam khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Hữu S, quốc tịch: Canada, cư trú tại 10803 Brunet, Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự có đơn trình bày ý kiến về việc ly hôn, không tiến hành thủ tục hòa giải, đề nghị Tòa án rút ngắn thời gian giải quyết vụ án; ông Nguyễn Hữu S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Diệu H về việc ly hôn với ông Nguyễn Hữu S thì thấy: Bà Lê Thị Diệu H và ông Nguyễn Hữu S ký kết hôn vào ngày 27/3/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do cả hai sống xa nhau, không có nhiều thời gian dành cho nhau, ông bà không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cả hai không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân bà Lê Thị Diệu H và ông Nguyễn Hữu S chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56,127 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà Lê Thị Diệu H được ly hôn đối với ông Nguyễn Hữu S là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Diệu Hi và ông Nguyễn Hữu S cùng xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 147, Điều 464; Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Lê Thị Diệu H đối với ông Nguyễn Hữu S.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Diệu H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu S.

2. Về quan hệ con chung, tài sản: Không giải quyết.

3.Về án phí: Bà Lê Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0007710 ngày 22/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà Lê Thị Diệu H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Diệu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án 30.12.2014. Ông Nguyễn Hữu S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Tuấn